

Văn hóa thưởng trà trong thời kỳ Joseon của Hàn Quốc và thời kỳ nhà Nguyễn của Việt Nam

Phùng Thị Thanh Xuân*

TÓM TẮT

Trà không chỉ là thức uống giúp ích cho sức khỏe, khai sáng tinh thần con người mà còn đóng góp vào quá trình phát triển văn hóa nghệ thuật cho các quốc gia. Nếu triều đại Goryeo (Cao Ly) ưa chuộng văn hóa "điểm trà pháp", tức dùng trà bột như thời nhà Tống, thì đến triều đại Joseon (Triều Tiên), văn hóa "hãm trà" (trà rời) như thời nhà Minh lại lên ngôi. Trong triều đại Joseon, từng có giai đoạn nghệ thuật thưởng trà đã suy tàn và biến mất cùng với chính sách "Ức Phật sùng Nho". Tuy vậy, các trà sư chốn thiền môn cùng các học giả Nho học hậu kỳ Joseon vẫn uống trà và làm thơ về trà, điều này đã hồi sinh nghệ thuật trà đạo trong triều đại Joseon và giúp nó lưu truyền cho đến ngày nay. Có thể nói công lao của các nhà sư và học giả Nho giáo thời Joseon đã góp phần làm nên đóa hoa trà đạo của Hàn Quốc ngày nay. So với vương triều Joseon (1392-1910) – triều đại phong kiến cuối cùng của Hàn Quốc kéo dài hơn 500 năm, Việt Nam lại trải qua rất nhiều biến động của các triều đại trong lịch sử, trong đó, nhà Nguyễn (1802-1945) là triều đại phong kiến cuối cùng tại Việt Nam.

Với ý tưởng tìm hiểu văn hóa trà trong triều đại phong kiến cuối cùng của hai quốc gia, tác giả tập trung vào văn hóa thưởng trà hậu kỳ vương triều Joseon (1392-1910) của Hàn Quốc và triều đại nhà Nguyễn (1802-1945) của Việt Nam. Nghiên cứu tập trung phân tích và so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa văn hóa thưởng trà của hai triều đại qua lăng kính lịch sử. Bài nghiên cứu gồm ba phần chính, phần một sẽ giới thiệu khái quát về văn hóa thưởng trà thời kỳ Joseon (Triều Tiên), phần hai khái quát văn hóa thưởng trà thời nhà Nguyễn, và phần ba so sánh về văn hóa thưởng trà qua trà phẩm và không gian thưởng trà (trà thất) của hai triều đại. Bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích các tư liệu của các học giả trong và ngoài nước, phương pháp nghiên cứu liên ngành lịch sử – văn hóa và phương pháp so sánh để làm rõ ba vấn đề nêu trên.

Từ khoá: văn hóa thưởng trà, trà thất, trà phẩm, vương triều Joseon (Triều Tiên), nhà Nguyễn

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

Liên hệ

Phùng Thị Thanh Xuân, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

Email: phungthanhxuan@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 21/3/2023
- Ngày chấp nhận: 15/9/2023
- Ngày đăng: 31/12/2023

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v7i4.867>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



DẪN NHẬP

Chúng ta có thể thấy vương triều Joseon (Triều Tiên) từ lúc thành lập cho đến ngày lụi tàn nằm trong giai đoạn thời kỳ nhà Minh và nhà Thanh của Trung Quốc. Theo dòng chảy lịch sử, Trung Hoa ảnh hưởng rất lớn đến hệ tư tưởng của Hàn Quốc và Việt Nam, đặc biệt là trên bình diện văn hóa – nghệ thuật, trong đó, văn hóa thưởng trà cũng không ngoại lệ. Lịch sử thưởng trà Trung Quốc trải qua các thời kỳ hưng thịnh từ nhà Đường (618-907), Tống (960-1279), Nguyên (1271-1368), Minh (1368-1644) và Thanh (1644-1912). Tại Trung Quốc, sau thời nhà Tống, sự cai trị của nhà Nguyên đã làm giảm sự phổ biến của trà. Văn hóa thưởng trà quay trở lại với sức mạnh và hình thức mới dưới vương triều nhà Minh (1368-1644) [1, tr.116]. Chu Nguyên Chương giành lại đất nước cho Hán tộc vào năm 1368, sáng lập ra nhà Minh. Một lần nữa, Trung Hoa trở lại thời kỳ trung hưng, các ngành văn hóa – nghệ thuật tiếp tục phát triển. Chính trong thời nhà Minh, phương thức

hãm trà có nhiều sự thay đổi. Từ thời kỳ này trở đi, loại trà lá rời (hãm trà) như ngày nay được đại đa số chọn làm tiêu chuẩn, trái với loại trà bánh thời trước như nhà Đường và trà bột nhà Tống qua các tác phẩm *Trà Kinh* của Lục Vũ (733-804) và *Đại Quan Trà Luận* của hoàng đế Tống Huy Tông (1082-1135). Hai tác phẩm này bàn luận nhiều về cách đóng bánh trà, các loại chổi tre dùng để đánh trà mà ngày nay được dùng chính trong trà đạo Nhật Bản [2, tr.36]. Dựa theo dòng phát triển của trà sử Trung Quốc với mốc thế kỷ XIV, có thể chia việc thưởng trà làm ba giai đoạn, giai đoạn nhà Đường với chè bánh chủ đạo, giai đoạn nhà Tống ưa chuộng trà bột và giai đoạn Minh – Thanh về sau với sự thịnh hành độc tôn của chè lá rời [3, tr.130]. Trà bánh được đun sôi, trà bột được đánh tan và trà lá được ngâm hãm, đánh dấu những xung đột cảm xúc đặc trưng của các triều đại Đường, Tống, Minh [4, tr.41].

Trong phạm vi nghiên cứu, tác giả lần ngược theo lịch sử để giới thiệu và so sánh văn hóa thưởng trà của vương triều Joseon (Hàn Quốc) và vương triều nhà

Trích dẫn bài báo này: Xuân P T T. Văn hóa thưởng trà trong thời kỳ Joseon của Hàn Quốc và thời kỳ nhà Nguyễn của Việt Nam. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; 7(4):2161-2172.

Nguyễn (Việt Nam). Từ đó, có thể giúp độc giả hiểu thêm về tâm thức của hai quốc gia trong sự tương quan và khác biệt qua văn hóa thưởng trà dù cùng tiếp nhận ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa.

Cho đến nay, có nhiều sách, luận án, luận văn hay bài báo được các chuyên gia nghiên cứu về lịch sử trà và văn hóa trà đạo trên thế giới xuất bản. Cụ thể, tác phẩm *Lịch sử của Trà* của tác giả Laura C. Martin (2019)⁵ nêu cụ thể về lịch sử và phát triển của trà, văn hóa trà của các quốc gia; tuy nhiên, tác phẩm này lại không thấy đề cập đến một khía cạnh nào của trà Việt và cũng chỉ sơ lược khái quát về trà Hàn. Những ai yêu trà và nghiên cứu trà đều không xa lạ với tác phẩm *Trà Kinh* của Lục Vũ với bản dịch của Trần Quang Đức (2008)¹ hay bản dịch của Sơn Dã, Huy Đông (2022)⁶ – một cuốn “kinh thánh” về trà trình bày từ nguồn gốc của trà, kỹ thuật chế biến cho đến phép uống trà. Tuy vậy, tác phẩm cũng chỉ hướng dẫn cách pha và thưởng trà đến giai đoạn nhà Đường. Hay tác phẩm “Trà Thư” (2022) của Kakuzo Okakura nghiên cứu về trà đạo Nhật Bản, bàn về mối quan hệ sâu sắc giữa Đạo giáo và Thiền trong nghệ thuật thưởng trà. Bàn về trà và văn hóa trà Việt của các học giả Việt Nam, trong tác phẩm *Trà Kinh* (2006) của Vũ Thế Ngọc, ông viết: “người Việt ta dường như mở mắt chào đời đã thấy trà, uống trà trọn đời và cho đến chết vẫn còn được tắm liệm với trà (chưa kể “được” con cháu pha trà cúng trong các dịp Tết, giỗ)” [2, tr.7]. Thế nhưng, khảo cứu về trà Việt thì gần như chưa có ai viết cả. Vũ Thế Ngọc cũng đề cập rằng ông tìm từ các “trú tác của nhà học giả lỗi lạc Lê Quý Đôn (người đã từng ghi chú kỹ lưỡng hàng trăm loại lúa gạo trồng ở Việt Nam trong bộ “Bách Khoa” Vân Đài Loại Ngữ) cho đến toàn bộ trú tác của gia đình danh sĩ họ Ngô (Ngô gia văn phái), các tác giả thời kỳ Lý – Trần... cũng chỉ thấy ghi chép lại vô cùng sơ lược” [2, tr.7]. Do vậy, Vũ Thế Ngọc phân tích khá nhiều về “*Trà Kinh*” của Lục Vũ qua các triều đại của Trung Quốc và chỉ điểm sơ qua về trà Việt trong văn thơ xưa. Trong tác phẩm *Phác thảo danh Trà Việt Nam* (2020), Nguyễn Ngọc Tuấn đề cập đến các vùng trà nổi tiếng của Việt Nam, các loại trà quý hiếm cần được bảo tồn và lưu giữ, chưa đề cập đến lịch sử văn hóa thưởng trà Việt xưa⁷. Tác phẩm *Ngang dọc đường Trà* (2019) của Đỗ Quang Tuấn Hoàng đề cập khá kỹ về các loại trà ngon, các vùng trà của Việt Nam, nhưng không có chi tiết nào về văn hóa thưởng trà Việt qua các giai đoạn lịch sử⁸. Tác phẩm *Bốn mùa trà rượu nước Hương* (2018) của tác giả Viên Trần có đề cập đến văn hóa thưởng trà xứ Huế, tập trung vào trà sen qua ký ức và trải nghiệm uống trà từ thuở còn thơ của chính tác giả⁹. Những năm trở lại đây, có hai nhà nghiên cứu đã dụng công thu thập tư liệu lịch sử, phân tích và viết

về trà Việt. Tác phẩm *Văn Minh Trà Việt* (2012)¹⁰ của Trịnh Quang Dũng đề cập nhiều về nguồn gốc cây trà và phương thức thưởng trà Việt qua các thời đại, đặc biệt giai đoạn Trịnh – Nguyễn phân tranh, và lịch sử lâu dài của dòng trà dân gian. Cuốn sách được đồng đạo bạn đọc đón nhận nhưng dấy lên tranh cãi về việc liệu Việt Nam có phải là cái nôi của cây trà như được đề cập trong sách hay không. Lịch sử một thức uống lâu đời của người Việt được Trần Quang Đức trình bày chuyên sâu trong tác phẩm *Chuyện Trà* (2021), đồng thời, tác giả cũng đề cập đến mối tương quan và gắn gũi giữa trà Việt so với văn hóa thưởng trà Trung Hoa³. Luận bàn về trà Đông Á, hầu hết các tác giả ở Việt Nam đều nghiên cứu qua các tác phẩm nguyên tác hay sách dịch về văn hóa trà Trung Quốc và Nhật Bản, cho đến nay chưa có tác giả nào nghiên cứu và dịch sách về văn hóa trà Hàn Quốc.

Đối với văn hóa trà Hàn Quốc, có rất nhiều học giả xứ sở kim chi nghiên cứu và xuất bản nhiều ấn phẩm, trong đó phải kể đến tác phẩm *Korean Tea Classic* (2010)¹¹ do Brother Anthony of Taize và cộng sự viết. Tác phẩm điển giải về lịch sử và các giai thoại việc hình thành văn hóa thưởng trà tại Hàn Quốc, phân tích giá trị “Chân, Thiện, Mỹ” qua hai tác phẩm kinh điển về trà của thiền sư Cho-ui (Thảo Y) và văn sĩ Yi-Mok (Lý Mộc). Luận án tiến sĩ của Lee Jung-og (2013)¹² nghiên cứu về văn hóa trà thời Joseon qua bút tích của các học giả Nho học. Nghiên cứu của Choi Mi-young và Hong Kwang-pyo (2012)¹³ phân tích văn hóa trà thời Joseon qua các bức họa nổi tiếng thời bấy giờ, xoay quanh văn hóa thưởng trà Joseon qua thư họa điển tích. Một nghiên cứu khá thú vị của học giả Lee So-young (2008)¹⁴ đề cập đến văn hóa trà được liệu làm thuốc thời kỳ Joseon. Cuối cùng phải kể đến một nghiên cứu khái quát về văn hóa trà thời kỳ Joseon của học giả Shin Mee-kyeong (2012)¹⁵, công trình tổng hợp các nghiên cứu trước đây và phân tích một số khía cạnh về trà và thi ca, trà và thiền gia hậu kỳ Joseon. Dựa theo kết quả nghiên cứu trên, xét thấy chưa có học giả ngành Hàn Quốc trong nước nghiên cứu về trà đạo Hàn Quốc, đặc biệt là so sánh văn hóa trà của Hàn Quốc và Việt Nam trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể. Đây là tính mới và sự cần thiết của đề tài, mở ra hướng nghiên cứu về văn hóa trà đạo của hai nước, đồng thời cũng gợi mở góc nhìn về giá trị văn hóa thưởng trà truyền thống của dân tộc Việt Nam.

NỘI DUNG CHÍNH

Khái quát văn hóa thưởng trà thời kỳ Joseon (1392-1910)

Vào triều đại Goryeo (Cao Ly) (918-1392), Phật giáo trở thành quốc giáo, văn hóa thưởng trà đạt đến sự

tin tức trong ẩm trà và sự tinh xảo trong chế tác trà cụ phù hợp với trường phái “điểm trà pháp”. Vào cuối triều đại, cuộc sống của người dân dần trở nên khó khăn do mâu thuẫn xã hội gia tăng, cùng lúc đó, đất nước đối mặt với những cuộc xâm lược thường xuyên của các bộ tộc ngoại bang. Chính trong giai đoạn này, Lee Seong-gye (Lý Thành Quế) (1335-1408) đã chỉ huy quân sự đối phó với sự xâm lược từ bên ngoài, đồng thời hợp lực với các thế lực chính trị khác nhằm khắc chế những mâu thuẫn trong xã hội và thành lập nên triều đại Joseon. Sau khi vương triều Joseon được thành lập, văn hóa thường trà đã có sự thay đổi đáng kể so với thời kỳ Goryeo. Trong thời kỳ Cao Ly, trà và Phật giáo liên quan chặt chẽ đến mức ngay cả các quán trà công cộng đôi khi cũng trưng bày một bức tượng Phật. Các học giả và giới quý tộc sẽ ngồi ở những nơi này để uống trà và đàm luận về giáo lý nhà Phật. Sau giai đoạn vương triều Cao Ly sụp đổ, Phật giáo suy giảm mạnh trong cả nước. Trà luôn là tấm gương phản ánh bối cảnh văn hóa xung quanh ngay cả khi bản thân không tham dự vào việc hình thành nên văn hóa ấy [5, tr.55]. Vì trà liên quan chặt chẽ với Phật giáo nên khi sự phổ biến của Phật giáo giảm xuống, sự phổ biến của trà cũng giảm theo, mặc dù các nhà sư vẫn tiếp tục uống trà.

Trong khi vương triều Goryeo trước đây sử dụng phương thức “điểm trà pháp” (trà bột) dùng chổi tre đánh bột trà trong oản (trần), vương triều Joseon sử dụng ấm chén cho trà lá rời đang thịnh hành tại nhà Minh. Công trình nghiên cứu về lịch sử và nghệ thuật thưởng trà vào thời kỳ Joseon, nổi bật có thể kể đến tác phẩm *ChaBu* (Trà Phú) của học giả Yi-Mok (1471-1498) và *DongChaSong* (Đông Trà tụng) của thiền sư Thảo Y (1786-1866). Hanjae Yi-Mok, tên Lý Mục, hiệu Hàn Trai, là một văn sĩ sinh vào năm thứ hai trị vì của vua Seongjong (1469-1495) ở Gageum-ri, thành phố Gimpo thuộc tỉnh Gyeonggi. Vào năm 25 tuổi, hiền sĩ Lý Mục đã có cuộc hành trình đến Đại Đô của Trung Hoa trong một thời gian ngắn. Tại đây, ông đã được các học giả giới thiệu những tác phẩm cổ về trà, các kỹ thuật pha và thưởng trà trong thời nhà Minh, điều này đã giúp cho học giả hoàn thành tác phẩm *Trà Phú* sau khi trở về Triều Tiên.

Tuy nhiên, giai đoạn trung kỳ Joseon, văn hóa thưởng trà gần như lụi tàn. Ấy là do trong thời kỳ này, cuộc chiến tranh Imjinwaran (Nhâm Thìn Oa loạn) (1592-1598) đã làm kinh tế Triều Tiên kiệt quệ, cùng với đó là chính sách “ức Phật sùng Nho” dẫn đến văn hóa thưởng trà gần như mất hẳn. Giai đoạn này kéo dài cho đến khi Jeong Yak-yong (Đình Nhược Dung) (1762-1836) tái thiết lại vào đầu thế kỷ 19 và khi Thiền sư Cho-ui (Thảo Y) – người đời tôn vinh là thánh trà, đã có công đưa trà thành “Đạo” trong

thời kỳ hậu Joseon. Thiền sư Thảo Y (1786-1866) xuất thân tại làng Singi, Samhyang thuộc tỉnh Jeollanamdo (Toàn La Nam Đạo) ngày nay. Thiền sư nghiên cứu về trà lần đầu tiên vào năm 1806 khi ngài đến thăm nhà tư tưởng, học giả, danh y Đình Nhược Dung, hiệu là Dasan (Trà Sơn) đang bị lưu đày ở Gangjin, Jeollanamdo. Vào năm 1828, trong suốt chuyến thăm tại Chilbul-am ẩn dật trên núi Jiri, thiền sư Thảo Y đã chép lại những tác phẩm viết về trà thời nhà Minh. Hai năm sau đó, ngài phóng tác *ChaSin-Jeon* (Tinh thần của trà) như một cuốn cẩm nang giới thiệu những quy tắc cơ bản về cách pha và thưởng trà. Vào năm 1837, ngài sáng tác tác phẩm *DongChaSong* (Đông Trà tụng) giới thiệu cách chế biến, phân loại, pha và thưởng trà, đồng thời chỉ ra sự ưu việt của hương vị – phong cách và dược lý của trà Triều Tiên hơn hẳn so với Trà Trung Quốc [16, tr.288].

Tác phẩm *Trà Phú* của một học giả Nho học và tác phẩm *Đông Trà tụng* của một thiền sư đã định hình nên hai trường phái trà trong triều đại Joseon. Đó là văn hóa trà tu dưỡng thân tâm trong chốn thiền môn, trà cúng dường lên chư Phật và văn hóa “Trà lễ” đậm chất Nho gia trong cung đình và giới quý tộc. Nghi thức pha trà cúng dường chư Phật trong các thiền viện xưa và nghi thức thưởng trà trong giới vương quan, quý tộc đã được nâng lên thành nghi lễ, hình thành nên văn hóa trà đạo của Hàn Quốc tồn tại cho đến ngày nay, còn được gọi là “Trà lễ” (Charye). Tên gọi này chỉ xuất hiện vào thời kỳ vương triều Joseon khi vị thế của Nho gia trở thành quốc giáo. Trà được chọn dâng lên Đức Phật là loại trà xanh thượng phẩm, được thu hoạch vào đầu xuân tại núi Jiri. Nước pha trà thường là nước suối trên núi, nước mưa hay nước đã qua tinh lọc bằng phương pháp thủ công. Ở nghi thức thưởng trà trong giới vua quan và quý tộc, trà được dùng là loại trà lá rời. Trà nhân thường ngồi trên một tọa cụ, thực hiện các thao tác pha trà bằng cả hai tay, trong tư thế úp – mở tượng trưng cho Âm – Dương hòa hợp, tôn trọng thứ bậc vị thế xã hội trong bàn trà. Những quy tắc trong trà đạo Hàn Quốc vào giai đoạn hậu kỳ Joseon được thiền sư Thảo Y và Trà Sơn Đình Nhược Dung xây dựng mang theo hơi thở của Đạo gia, Nho gia và Phật gia (Lão – Khổng – Thích), chú trọng sự tự tại nhẹ nhàng, hòa hợp thân tâm, tôn trọng tôn ti trật tự trong xã hội và văn hóa truyền thống trên bán đảo Triều Tiên. Vào hậu kỳ Joseon, các trà sư vẫn giữ tinh thần “hạ mình – kính người” trước trà. Nếu nói một cách không quá khoa ngôn, tinh thần hiển ý và triết lý trong trà đạo chính là cốt cách của một dân tộc. Nó là sự kết tinh của trí tuệ, tinh thần và mỹ học mà quốc gia ấy muốn hướng đến. Tinh thần trà đạo thời kỳ Joseon hướng đến tám chữ: *Kính, Lễ, Hòa, Thanh, Tịch, Huyền, Thiền, Trung chánh* (trung trực).

“Kính, Lễ, Hòa, Trung” là tư tưởng cốt lõi của Nho gia, “Thanh, Huyền, Thiên, Tịch” là tư tưởng cốt lõi của Phật Lão [17, tr. 92].

Khái quát văn hóa thưởng trà thời kỳ nhà Nguyễn (1802-1945)

Vương triều nhà Nguyễn do vua Gia Long sáng lập vào năm 1802, đặt kinh đô tại Huế, trải qua 13 đời vua và chấm dứt vào năm 1945. Khác với triều đại Joseon kéo dài hơn 500 năm, giao thoa với hai triều đại nhà Minh và Thanh của Trung Quốc, giai đoạn của triều Nguyễn chỉ nằm trong thời kỳ nhà Thanh. Văn hóa thưởng trà thời nhà Nguyễn có thể được chia làm hai trường phái chính là trà dân gian và trà cung đình. Trong khi văn hóa thưởng trà trong cung đình mang nhiều nét tương đồng với trà Trung Hoa, văn hóa thưởng trà dân gian tại Việt Nam lại mang những dấu ấn rất độc đáo và riêng biệt, hình thức thưởng trà lá tươi có hàng ngàn năm vẫn được sử dụng trong thời nhà Nguyễn.

Nghiên cứu của Trần Quang Đức (2021) đề cập đến giai đoạn trước nhà Nguyễn, thời kỳ Lê Trung Hưng (1533-1789) và giai đoạn Trịnh – Nguyễn phân tranh (1627-1777), Lê – Trịnh ở ngoài và chúa Nguyễn ở trong, văn hóa thưởng trà tại Đại Việt nở rộ, du nhập ẩm chén và pha chế theo lối hãm trà nhà Minh, được đề cập ngay từ thế kỷ XVIII trong *Vũ Trung Tùy bút của* Phạm Đình Hồ (1768-1839) bàn về thú vui uống trà và cảm khái khi thấy nước ta chủ yếu nhập trà từ Vân Nam phục vụ một bộ phận nhỏ trong xã hội [3, tr.134]. Các bậc tao nhân mặc khách xưa ưa dùng ấm hình quả vải, quả sung hay ấm đất nung đã một thời nổi tiếng. Ấm đất nổi tiếng nhất là loại ấm Tử Sa Dương Tiễn (sau đổi tên thành Nghi Hưng) từ Trung Hoa. Nghệ thuật ẩm trà lúc này đạt đến cực thịnh. Trà sĩ Phạm Đình Hồ điểm mặt chỉ tên hàng loạt tinh túy thưởng trà dài các với các cung cách khác nhau như phanh trà, thực trà, thẩm trà, điểm trà rồi bào trà, thực trà... Đó thật là thú vui được ưa chuộng tại nước ta [3, tr.157].

Theo nghiên cứu của Vũ Thế Ngọc (2006), văn hóa thưởng trà truyền thống của Đại Việt vẫn chỉ dừng ở lối uống trà tươi, trà nụ... Do vậy, khi trà ở Trung Quốc đạt đến trình độ tuyệt cao ở thời nhà Minh và nhà Thanh thì lúc đó, ta mới bị chinh phục và bắt đầu nhập cảng “trà Tàu” [2, tr.172]. Chúng ta sẽ thấy điều này được ghi chép trong *Đại Nam nhất thống chí* (1882), quãng cuối thế kỷ XIX, mặc dù giá trà Tàu nhập về rất rẻ nhưng người ưa thích chỉ giới hạn trong “quyển môn thế tộc” [3, tr.95]. Trong quan niệm của người Việt lúc bấy giờ, các loại lá chè (trà) được trực tiếp hái rồi chế biến sơ qua được gọi là chè xanh, chè

tươi, Nam trà, đối lập với dòng chè khô sấy tinh chế, có hương thơm, gọi là trà Tàu, Bắc trà. Trong *Đại Nam nhất thống chí*, phần viết về Nam trà ở huyện Hương Trà, Phú Lộc cho biết dân gian thường hay gọi đây là chè Huế, rất ngon. Chè Huế xuất xứ ở huyện Phú Lộc đến nay vẫn là thức uống không thể thiếu trong đời sống thường ngày của người dân nơi đây. Như vậy, có thể thấy trước khi có sự lan tỏa của trà Tàu kiểu cách cùng sự phát triển rộng rãi của dòng trà rời, Đại Việt vẫn là xứ sở của lá chè xanh, với nhiều cách thức pha nấu dân dã và hết sức đặc trưng. Dòng chè ấy, vua Minh Mạng còn hết lời ngợi ca có nét độc đáo riêng biệt, không kém các loại danh trà Trung Quốc [3, tr.103].

Trong tư duy ẩm trà của người xưa, trà cung đình không phải là loại thức uống xô bồ thích hợp chốn đông người như trà dân gian. Chính vì thực tế ấy, khác với trà dân gian, thông thường, bộ trà Việt truyền thống trong cung đình được chế tác với một chén tống, hai hoặc ba chén quân [3, tr.118]. Trong lịch sử có giai thoại về việc vua Gia Long cho đào một giếng nước tại đảo Lý Sơn thuộc tỉnh Quảng Ngãi ngày nay lấy nước dùng trà, được gọi là “ngự thủy” để dùng dưỡng tinh thần trong giai đoạn chạy loạn [10, tr.159]. Vì là người yêu trà, nên sau khi thống nhất đất nước, vua Gia Long hàng ngày dùng trà thay nước uống và rượu. Khi kinh đô dời về Huế, tương truyền rằng để tránh gây thất thoát ngân khố do việc vận chuyển “ngự thủy” từ đảo Lý Sơn vào kinh đô vô cùng vất vả, tốn kém, vua Gia Long đã viện lý rằng đây là nguồn nước vua Quang Trung từng dùng, nên ra lệnh dừng vận chuyển về cung. Ngày nay, giếng vua ở đảo Lý Sơn, tên dân dã là giếng Xó La, tên khác là giếng Gia Long vẫn còn tồn tại [10, tr.168]. Giới thưởng trà vẫn hay truyền tai nhau câu nói “nhất thủy, nhì trà, tam pha, tứ ấm”, bởi nước không trong, vị trà không ngon. Vua Gia Long thể hiện đúng tinh thần của một trà nhân. Việc chọn lựa nguồn nước từng được Tống Huy Tông đúc kết thành bốn từ: thanh, khinh, cam, khiết (trong, nhẹ, ngọt, sạch). “Nhẹ, ngọt là tính nước tự nhiên, khó mà có được, phải lấy dòng nước thanh khiết ở suối ngàn. Thứ đến là nước ở giếng mới có thể dùng được” [3, tr.173].

Các nghiên cứu về tập quán uống trà của Việt Nam trước năm 1882, theo điều tra thực địa của người Pháp, chỉ ra rằng người bình dân nói chung chỉ uống một loại chè biến thể (chè tươi, chè già bằm), còn tầng lớp thượng lưu quý tộc thường uống trà Tàu. Xét ra, hầu hết những người yêu thích trà Tàu phải có điều kiện và thời gian, phải phong lưu và nhàn hạ. Chỉ có người nhàn tản, phong lưu mới có điều kiện hưởng thụ cuộc sống, nhất là để thưởng thức thú trà phải qua rất nhiều công đoạn đun pha, họ cũng cần có

kiến thức về trà và trà cụ. Tầng lớp bình dân trong giai đoạn này, cả ngày đầu tắt mặt tối, lam lũ vất vả, khó có thể cảm nhận được thú phong lưu ấy. Điều này cũng được thể hiện trong tục ngữ miền Nam xưa “nhứt quân tử dùng trà Tàu, trở đến xuống đệ nhị quân tử uống nước chè Huế, đệ tam quân tử uống nước lã. Việc uống trà tàu được coi là biểu hiện của hạng quân tử bậc nhất trong xã hội lúc này, hay như học giả Đào Duy Anh (1904-1988) để cập “ở nước ta uống chè tàu dùng sành sứ là một biểu hiện phong lưu” [18, tr.121].

SO SÁNH VĂN HÓA THƯỜNG TRÀ CỦA VƯƠNG TRIỀU JOSEON VÀ NHÀ NGUYỄN

Phẩm trà

Phẩm trà là loại trà được sử dụng phổ biến trong giai đoạn này, cụ thể là trong cung đình và giới quý tộc. Như đã trình bày ở trên, phẩm trà trong thời kỳ Joseon sử dụng loại trà lá rời, hãm trà trong cung đình và giới quý tộc. Tuy phương thức ẩm trà theo lối “điểm trà pháp” không còn phổ biến như thời Cao Ly, nhưng vẫn được các nhà sư lưu giữ trong chốn thiền môn.

Điểm tương đồng

Điểm tương đồng chính là phẩm trà của hai vương triều đều chịu ảnh hưởng văn hóa thường trà thời kỳ Minh – Thanh. Giống như các loại hình nghệ thuật khác, thường trà có các giai đoạn và trường phái khác nhau. Sự phát triển của trà nhìn chung được chia làm ba giai đoạn: trà đun (đoàn trà) – nhà Đường, trà khuấy (mạt trà) – nhà Tống và trà ngâm (yêm trà) – nhà Minh (Hình 1). Đến thời Joseon và nhà Nguyễn, người ta đều sử dụng trường phái yêm trà, chính là trà lá rời, dùng trong bình ấm tích nhỏ và các chén quân (Hình 2) của thời nhà Nguyễn và bình trà, trà cụ truyền thống của thời Joseon (Hình 3).

Điểm khác biệt

Chắc chắn một điều rằng ngoài những loại trà được dùng theo lối “hãm trà” từ thời nhà Minh – Thanh, trà Tàu được nhập cảng về để thưởng thức tại kinh đô Huế của vương triều Nguyễn hay tại Hán thành (nay là Seoul) của vương triều Joseon, cả hai vương triều cũng có sự khác biệt lớn trong văn hóa thường trà qua phẩm trà. Ngoài trà xanh lá rời sử dụng trong thiền viện và chốn cung đình, các trà sư thời Joseon vẫn duy trì lối thưởng trà bột, sử dụng oản (bát) và dùng chổi khuấy trà theo lối “điểm trà pháp” từ nhà Tống. Trong khi đó, chúng ta có thể thấy trong chốn cung đình, tao nhân mặc khách cuối nhà Minh đến

nhà Thanh tại Trung Quốc không còn sử dụng mạt trà (trà bột) để thưởng trà. Vào hậu kỳ triều đại Joseon, người dân không còn uống trà, việc uống trà chỉ còn giới hạn trong chốn thiền môn và giới quý tộc, học giả đương thời. *Triều Tiên vương triều thực lục* (1413-1865) cũng có ghi chép rằng phẩm trà trong triều đại Joseon như thời Goryeo vẫn được thực hiện, có quy mô và chặt chẽ hơn với những quy định về hành trà [20, tr.5], thời kì này vẫn duy trì văn hóa thưởng mạt trà trong “điểm trà pháp” (Hình 4), trong khi cả nhà Minh – Thanh và nhà Nguyễn Việt Nam đều không còn thấy dấu tích văn hóa thưởng trà bột trong oản.

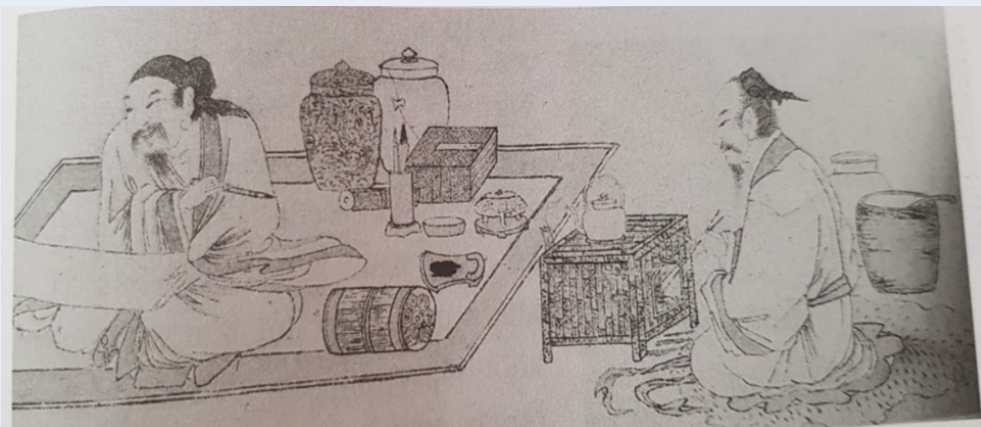
Như đã trình bày ở phần trên về văn hóa thưởng trà thời nhà Nguyễn, văn hóa trà dân gian chuộng chè tươi, văn hóa trà cung đình chuộng dùng lối hãm trà rời và trà cụ bị ảnh hưởng bởi thời Minh – Thanh. Tuy vậy, có một điều khác biệt trong phẩm trà của cung đình và giới quý tộc nhà Nguyễn là dòng trà ướp sen. Trong khi đó, cuối thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX, cách ướp trà sen dần phai nhạt tại Trung Hoa và không được dùng phổ biến vào thời Joseon. Trái lại, nhà Nguyễn rất ưa chuộng dòng ướp trà sen xối (Hình 5), phát triển tới tâm tinh phẩm, kỹ lưỡng trong khâu chọn hoa, tinh tế trong lựa chọn trà và cầu kỳ hơn trong kỹ thuật chế ướp. Có lẽ vì vậy nên cho đến nay vẫn còn vang vọng truyền ngôn trà sen thời Minh Mạng: “Hồ Tịnh Tâm thuở trước còn là hai hồ sen lớn vây quanh bởi một thành cao cổ kính, sáng sủa các cung nữ thường chèo thuyền nhỏ đi gom hứng những giọt sương vương đọng trên lá sen về pha trà cho vua ngự” [10, tr.98].

Không gian thưởng trà (trà thất)

Trà thất thời Joseon không theo tiêu chuẩn cố định, đặc điểm chủ đạo của trà thất thời kì này là chọn tự nhiên làm tiêu chuẩn cân bằng. Điều này cũng thể hiện tâm thức nội tại của con người Triều Tiên: thích hòa mình vào tự nhiên và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên.

Điểm tương đồng

Di sản để lại cho hậu thế về không gian thưởng trà của nhà Nguyễn, không thể không nhắc đến “Tịnh tâm hồ” (Hình 6). Không gian thưởng trà tại “Hồ tịnh tâm” được kiến tạo tương đồng với không gian “Vọng nguyệt lâu” (Hình 7) của quý tộc Joseon. Hai không gian đều là nơi thưởng trà của tầng lớp vương quan, bày trí theo tư duy phong thủy của phương Đông “bối sơn lâm thủy” (mặt hướng thủy, lưng tựa núi). “Hồ Tịnh tâm” được vua Gia Long và sau là vua Minh Mạng xây dựng nên, cho trồng rất nhiều sen trắng và sen hồng trong hồ, và dùng những đóa sen trong hồ



Hình 1: Tranh của họa sĩ Vương Vãn (1497-1576) thưởng trà thời nhà Minh (Nguồn: Trần Quang Đức (2021) [3, tr.229])



Hình 2: khay trà và bộ đồ trà dùng cho trà lá rời trang trí Mai Hạc thời vua Gia Long (Nguồn: Sưu tập Lê Văn Kiên, Vũng Tàu [19, tr.20])



Hình 3: Bình trà và chén trà sứ trắng thời Joseon (Nguồn: Viện bảo tàng trung ương quốc gia Hàn Quốc [20, tr. 43])



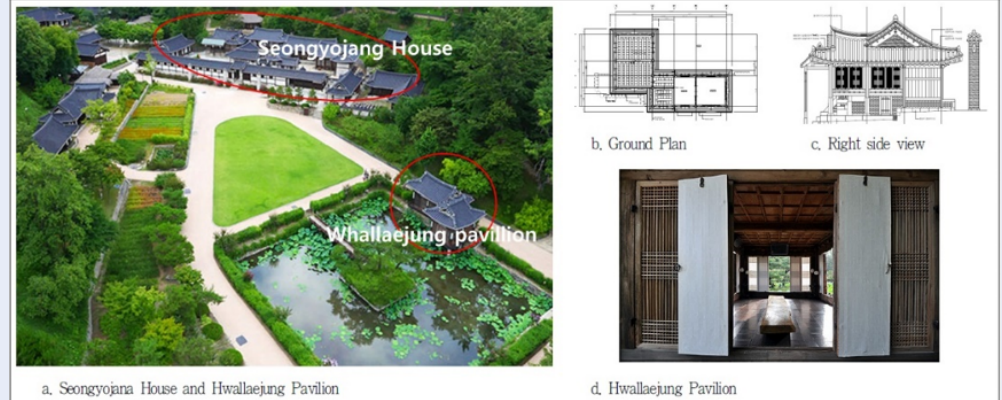
Hình 4: Oan trà dùng trà bột thời Joseon (Nguồn: Kim Young-sil (2010) [20, tr.88])



Hình 5: Uớp trà sen “xổi” (Nguồn: Ảnh báo Thừa Thiên Huế²¹)



Hình 6: Không gian thưởng trà bên hồ Tinh Tâm (Nguồn: Ảnh báo Thừa Thiên Huế²¹)



Hình 7: Seongyojana và “vọng nguyệt lâu Hwallaejung”. (Nguồn: Rho Jae-hyun, Jang Hye-young & Choi Jong-hee (2018) ²², tr.5])

để ướp trà. Đây cũng là nơi dành cho vua cùng hoàng thân quốc thích thưởng trà và tiêu dao thường ngoạn. “Vọng nguyệt lâu” Hwallaejung (Hwallaejung Pavilion) là một nơi nằm riêng biệt bên trong ngôi nhà Seongyojang, nơi thưởng trà trong ngôi nhà quý tộc bậc nhất thời Joseon của dòng tộc Lee Nae-bun (1703-1781). Kiến trúc “Vọng nguyệt lâu” mô phỏng nơi thưởng trà bên hồ sen của cung điện Changdeokgung (cung Xương Đức) thời Joseon. Ngôi nhà có niên đại hơn 300 năm tuổi này là chứng tích còn sót lại về không gian thưởng trà của vua quan và giới quý tộc hậu kỳ Joseon. Nhìn toàn cảnh của “Vọng nguyệt lâu” Hwallaejung, ta thấy bao xung quanh không gian thưởng trà là ao sen thơ mộng, trong gian nhà giữa của ngôi nhà là nơi dành cho chủ nhân thưởng trà và tiếp đãi khách quý.

Điểm khác biệt

Vì chính sách “Ưc Phật sùng Nho” trong giai đoạn trung kỳ Joseon, văn hóa thưởng trà nở rộ gắn liền với vương triều Goryeo cũng dần suy tàn và dần chuyển sang ẩm trà theo phương thức hãm trà. Văn nhân, học giả, Nho sĩ trong triều đại Joseon thường uống trà đơn giản trong không gian được bao quanh bởi tự nhiên. Tuy Nho giáo là quốc giáo trong triều đại Joseon, nhưng các thiền sư mới là người phục dựng và bảo tồn văn hóa thưởng trà. Các thiền sư làm thơ, uống trà cùng các ẩn sĩ và giới Nho sĩ. Do vậy, văn hóa thưởng trà lúc bấy giờ mang hơi thở của Phật gia và Đạo gia trong giai đoạn này đã ảnh hưởng đến cả tầng lớp học giả Nho học. Tình yêu trà đã gắn kết tình bạn giữa họ, học giả Nho học cùng các thiền sư làm thơ, đàm luận và uống trà. Không gian thưởng trà hậu kỳ Joseon dựa trên tư tưởng tinh thần của tam giáo, trà thất được lợp tranh đơn giản sử dụng rơm và cỏ, còn

được gọi là “lậu thất” vì rất nhỏ hẹp. Thường trà trong trà thất nhỏ hẹp, hòa cùng với vẻ đẹp của thiên nhiên trong vũ trụ là điều các trà nhân hướng đến ^[22, tr.5]. Trà thất thời Joseon không theo tiêu chuẩn cố định, có đặc điểm chủ đạo là chọn tự nhiên làm tiêu chuẩn cân bằng. Điều này cũng thể hiện bản chất nội tại của con người Triều Tiên: hòa mình và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của tự nhiên. Hình 8 bên dưới là không gian trà thất của học giả Nho học lừng danh thời Joseon – trà sơn Đình Nhược Dung dựng lên: một không gian thưởng trà bên cạnh dòng suối nhỏ.

Thiền sư Thảo Y có công phục dựng văn hóa thưởng trà hậu kỳ Joseon, hậu thế tôn ngài làm thánh trà. Không gian thưởng trà “Ẩn thất Iljiam” do thiền sư dựng lên mang đậm dấu ấn của Phật gia (Hình 9). Di sản “Ẩn thất Iljiam” nằm cạnh chùa Daeheungsas ở Hải Nam. Năm 1824, Thiền sư Thảo Y (1786-1866) đã kiến tạo ra ẩn thất này với ý tưởng rằng “uống trà một mình là phương tiện quay trở vào bên trong hiểu biết bản chất con người” trong tinh thần đốn ngộ của nhà Phật “thiền trà nhất như”.

Văn minh trà Việt của Trịnh Quang Dũng (2012) không chỉ đề cập đến không gian thưởng trà trong cung đình mà còn đề cập đến việc các quan lại và nhà Nho thời nhà Nguyễn thưởng trà ^[10, tr.147] (Hình 10). Trà với người Việt là thức uống rất đời thân quen, khi mộc mạc giản đơn, khi kiểu cách cầu kỳ. Trà xuất hiện khắp nơi trong đời sống, chốn đình làng, trong không gian của các gia đình quan lại quý tộc, trong cung đình (Hình 11). Kế thừa truyền thống uống trà trong các thời kỳ trước cùng lối sống linh hoạt, không gian thưởng trà thời nhà Nguyễn đa dạng từ không gian sang trọng và kiểu cách trong các quan phủ, cung đình, đến không gian thưởng trà tại tư gia, thưởng trà cùng gia quyến hay mời bạn bè đến cùng



Hình 8: Trà thất trong vườn Dasangchodang (Trà sơn đồ-Dasando) (Nguồn: Rho Jae-hyun, Jang Hye-young & Choi Jong-hee (2018) [22, tr.7])



Hình 9: Ấn thất Iljiam của Thiền sư Thảo Y (Nguồn: Rho Jae-hyun, Jang Hye-young & Cho Jong-hee (2018) [22, tr. 7])

thường thức. Bên cạnh chén trà, ắt phải có lò hương, có tiếng đàn, có bút mực, vung tay gảy tiếng đàn, tức cảnh mấy vần thơ. Có người coi trà chỉ là đồ uống, có người coi trà là đạo, có người lại coi trà là sự trải nghiệm [3, tr. 230].

Theo góc nhìn của tác giả, điểm khác biệt lớn có thể thấy là yếu tố chính trong không gian thưởng trà Việt hướng đến con người làm chủ thể, điều đó cũng phản ánh tâm thức rất riêng của dân tộc Việt: chú trọng đến sự hài hòa trong mối quan hệ, gắn gũi và giản dị, chú trọng “chữ Tình” (tình cảm) khi thưởng trà. Trong khi, không gian thưởng trà thời kỳ Joseon chú trọng đến sự tinh mịch và cái đẹp mộc nguyên sơ của tự nhiên.

KẾT LUẬN

Giai đoạn nhà Nguyễn và hậu kỳ Joseon đều chịu ảnh hưởng hệ tư tưởng Nho gia. Điểm chung trong văn

hóa thưởng trà của hai triều đại Joseon và nhà Nguyễn là đều sử dụng trà lá rời làm chủ đạo thay cho trà bánh và trà bột trước đó. Tuy nhiên, vẫn có sự khác biệt khá rõ nét ở hai triều đại.

Về trà phẩm, văn hóa thưởng trà thời Joseon có sự khác biệt rõ nét vì người phục hưng và bảo tồn là một thiền sư. Tuy phương cách hãm trà lá rời của nhà Minh được tiếp nhận vào Triều Tiên, trở thành phương thức hành trà chủ đạo, nhưng “điểm trà pháp” sử dụng trà bột từ thời Cao Ly vẫn không mất đi tại Joseon. Các nhà sư vẫn duy trì phương thức “điểm trà pháp” và giới quý tộc tiếp nhận phát triển song hành lối uống trà lá rời của nhà Minh. Trong khi đó, tầng lớp bình dân trong xã hội cuối thời Joseon không còn dùng trà, mà chuyển qua uống rượu. Văn hóa thưởng trà nhà Nguyễn phân định trà chốn cung đình và trà dân gian. Trà cung đình sử dụng trà Tàu và trà ướp sen với trà cụ kỳ kiêu, trau chuốt tỉ mỉ từ



Hình 10: Quan nhà Nguyễn thế kỷ XVIII dùng trà trên sập và ghế kỷ. (Nguồn: Bảo tàng lịch sử Việt Nam – Hà Nội [10, tr.147])



Hình 11: Trà thất ở Lục Bộ triều Nguyễn thế kỷ XIX (Nguồn: Bảo tàng lịch sử Việt Nam – Hà Nội [10, tr.147])

cách chế tác đến màu sắc, không còn kế thừa phương pháp “điểm trà pháp” của các thời đại trước. Trà dân gian của tầng lớp bình dân trong xã hội thì dùng trà lá tươi với trà cụ đơn giản mộc mạc, một bát đản để uống và một chiếc nồi đất để nấu trà.

Nho giáo trở thành quốc giáo vào thời kỳ Joseon nhưng Thiên tông vẫn tồn tại và có sức ảnh hưởng nhất định trong đời sống văn hóa – xã hội, trường hợp điển hình nhất là thiền sư Thảo Y đã khôi phục văn hóa thưởng trà qua tác phẩm *Đông trà tụng* và *Tinh thần của trà*, kiến tạo không gian thưởng trà mang đậm chất thiền và dấu ấn cá nhân. Trong khi đó, thời nhà Nguyễn, Phật giáo rơi xuống hàng tôn giáo bình dân. Các nho sĩ nhiều lần đả phá Phật học, chính quyền thế tục cũng hạn chế thiền viện và nhà sư. Các nhà sư thậm chí được phân hạng và cấp chứng nhận của chính quyền phi tôn giáo mỗi khi họ được nâng hạng thông qua các kỳ thi [23, tr. 24]. Triều

Minh Mạng tuy có tinh thần cởi mở với Phật giáo nhưng một bộ phận tăng sĩ tại các ngôi chùa nhà nước được triều đình cấp lương và cung cấp mọi nhu yếu phẩm hằng ngày. Các tăng không khác gì viên quan triều đình, nhận lương cùng nhiều ân điển khác, chỉ là không được tham gia triều chính [24, tr. 12]. Triều Minh Mạng là triều đại để lại dấu ấn trong lịch sử dân tộc với nhiều thành tựu. “Hố Tĩnh tâm” là không gian thưởng trà do chính vua Minh Mạng đặt tên, hậu thế sẽ cảm khái rằng Tam giáo (Lão – Phật – Nho) đã ảnh hưởng đến không gian kiến tạo này. Dưới góc nhìn của tác giả, so với không gian trà thất trong thời kỳ Joseon đều mang dấu ấn cá nhân của các thiền sư, nho sĩ và giới quý tộc, không gian thưởng trà thời nhà Nguyễn ngoài dấu ấn cá nhân của vua Gia Long và vua Minh Mạng thì đều mang tính vô danh. Cách nhìn của Henri Gourdon (2017) về nghệ thuật xứ An Nam cho tác giả cảm khái về tính vô danh này: “Sự

sùng bái nghệ thuật Trung Quốc, sự hạn chế về chủ đề trang trí, sự tự nguyện cúi đầu trước các bậc thầy xa xưa đều có tác động nguy hại tới cái tôi trong nghệ thuật. Vậy nên nghệ thuật của người An Nam chủ yếu mang tính vô danh, không thể biết được tên tuổi của những người kiến thiết các công trình và các họa sĩ trang trí thời trước, dù thời trước cũng chỉ mới gần đây” [23, tr.31]. Dù đây chỉ là nhận định của một học giả Pháp khi đến An Nam, nhưng cũng sẽ mở ra thêm góc nhìn mới cho các học giả Việt Nam trong và ngoài nước nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này.

Không gian thưởng trà (trà thất) thời Joseon không theo tiêu chuẩn cố định, đặc điểm chủ đạo là chọn tự nhiên làm tiêu chuẩn cân bằng. Điều này cũng thể hiện tâm thức nội tại của con người Triều Tiên qua chất liệu và màu sắc sử dụng trong trà thất đơn sắc và tối giản. Có thể lý giải tinh thần theo đuổi trong trà đạo cuối thời Joseon chính là sự hòa hợp tinh thần của tam giáo Lão – Khổng – Phật. Trong khi đó, nhà Nguyễn lúc này đã có sự giao thoa với nhà Thanh và văn minh phương Tây, các vua nhà Nguyễn là những người yêu chuộng thú vui thưởng trà, đã thổi vào văn hóa thưởng trà quyền uy của vương quyền, tăng lớp quan lại thưởng ẩm trà trong không gian của vương phủ, ngồi trên ghế hoặc trên sập, và trà cụ sử dụng cho phẩm trà lá rời hay trà sen ướp xối phảng phất sự tiện dụng của văn hóa phương Tây.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số T2022-11.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả đã nghiên cứu sơ khởi đề tài này bằng việc đi thực tế các vùng trà ở khu vực phía Đông Nam của Hàn Quốc, vùng trà tại núi Jiri và khu vực Hadong. Tác giả là thành viên Hiệp hội Trà đạo Jukro tại thành phố Busan trong suốt những năm 2012-2020, hoàn thành chương trình đào tạo giảng dạy và nghiên cứu về văn hóa trà Hàn Quốc. Ngoài ra, tác giả cũng tham gia vào các cuộc hội thảo tọa đàm về trà tại Việt Nam do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Trong thời gian viết bài, tác giả đã đi đến các tỉnh thành (Hà Nội, Lâm Đồng, Quảng Nam) tìm sách của các học giả trong nước cùng các tư liệu thực tế và tìm hiểu về

văn hóa thưởng trà Việt với các trà nhân tại các quán trà ở Thành phố Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lục Vũ, Trần Quang Đức, dịch. Trà Kinh Hà Nội NXB Hội Nhà Văn. 2008;.
2. Vũ Thế Ngọc. Trà Kinh - nghệ thuật thưởng trà trong lịch sử và văn hóa Đông Phương. TP.HCM: NXB Văn nghệ; 2006;.
3. Trần Quang Đức. Chuyện Trà. Hà Nội: NXB Thế giới; 2021;.
4. Okakura K, Diệp T, dịch. Trà thư. Hà Nội NXB Thế Giới. 2022;.
5. Martin LC, Nguyễn Huyền L, dịch. Lịch sử của Trà. Hà Nội NXB Dân Trí. 2018;.
6. Lục Vũ, Sơn Dã, Huy Đông, dịch. Trà Kinh Hà Nội NXB Thế Giới. 2022;.
7. Tuấn NN. Phác thảo danh Trà Việt Nam. TP.HCM: NXB Tổng hợp TP.HCM; 2020;.
8. Đỗ Quang Tuấn Hoàng. Ngang Dọc Đường Trà Hà Nội NXB Dân Trí. 2019;.
9. Trần V. Bốn mùa Trà rượu nước Hương. TP.HCM: NXB Tổng hợp Tp.HCM; 2018;.
10. Trịnh Quang Dũng. Văn Minh Trà Việt. Hà Nội: NXB Phụ Nữ; 2012;.
11. Brother Anthony of Taize. Hong Kyeong-hee & steven, Owyong D. Korean Tea Classic. Seoul: Seoul Selection; 2010;.
12. Lee jung-og. A Study on tea culture of the Joseon dynasty in collections of Confucian scholars' works [PhD thesis]. Korea: Keimyung University. Available from: University of National Pukyong Library EReserve; 2013;.
13. Choi Mi-young & hong Kwang-pyo. The landscape components illustrated in tea-drinking pictures of the Joseon dynasty. Vol. 30(1); 2012 March. p. 39-45. Available from: University of National Pukyong Library EReserve;.
14. So-young L. A Study on medicinal teas prescribed widely in the era of Joseon dynasty [masters thesis]. Seoul: Korea University; 2008. Available from: University of National Pukyong Library EReserve;.
15. Mee-kyeong S. Tea culture of Chosun dynasty. The J Korean Trad Cult Herit. 2012;10:4-23. Available from: University of National Pukyong Library EReserve;.
16. Nhiều tác giả. Văn hóa Trà ở Việt Nam và thế giới, lịch sử - văn hóa trà trong bối cảnh đương đại. TP.HCM: NXB ĐHQG TP.HCM; 2020;.
17. Odan. A study on the formative and aesthetic consciousness of Chinese ceramic teaware [Doctoral thesis]. Korea: Dankook University; 2019. Available from: University of National Pukyong Library EReserve;.
18. Đào Duy Anh. Việt Nam văn hóa sử cương. Hà Nội: NXB Văn học; 2020;.
19. Trần Đức Anh Sơn. Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn. TP.HCM: NXB Tổng hợp TP.HCM; 2018;.
20. Young-sil K. A Study on the comparison of Korean, Chinese and Japanese Ceramic Tea Utensils [MFA thesis]. Korea: Hanyang University; 2010. Available from: University of National Pukyong Library EReserve;.
21. Minh N, Viên Q. Sen trắng Huế hồi sinh ở hồ Tịnh Tâm [online]; 2021 (truy cập; 09/02/2023); Available from: <https://baothuathienhue.vn/van-hoa-nghe-thuat/thong-tin-van-hoa/sen-trang-hue-hoi-sinh-o-ho-tinh-tam-100343.html>.
22. Jae-hyun R, Hye-young J, Jong-hee C. A Study on the tea culture places and tea gardens of Korea. international ed; 2018(16):1-13. Available from: University of National Pukyong Library EReserve;.
23. Gourdon H, Toàn TQ, dịch. Nghệ thuật xứ an Nam. Hà Nội NXB Thế Giới. 2020;.
24. Nguyễn Duy Phương. Đặc điểm Phật giáo Việt Nam thời Minh Mạng (1820-1840). Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo 2017, số 3&4 (161), p.12-15;.

The study on tea drinking culture in the Joseon Dynasty of Korea and the Nguyen Dynasty of Vietnam

Phung Thi Thanh Xuan*

ABSTRACT

Tea is not only good for health as well as the mind, and a spiritual drink that enlightens people, but also contributes to developing culture and art in each country. If the Goryeo Dynasty of Korea favored the culture of "whisked tea", using powdered tea as in the Song Dynasty, then in the Joseon Dynasty of Korea, the culture of "leaf tea" as in the Ming Dynasty ascended. During the Joseon Dynasty, the art of tea drinking declined and disappeared with the policy of "Suppressing Buddhism Revering Confucianism". However, Zen tea masters and late Joseon Confucian scholars still drank tea and wrote poetry about tea, which revived the Joseon art of tea ceremony and helped it be passed to these days. It can be said that the Korean art of tea drinking today is inherited by Zen masters and Confucian scholars of the Joseon period. Compared to the Joseon Dynasty (1392-1910) - the last feudal dynasty of Korea lasting more than 500 years, Vietnam experienced many dynastic changes in history with the Nguyen Dynasty (1802-1910) as the Vietnam's last feudal dynasty. With the idea of understanding the tea culture in the last feudal dynasties of the two countries, the author focuses on the tea culture of the late Joseon Dynasty (1392-1910) of Korea and the Nguyen Dynasty (1802-1945) of Vietnam. The study focuses on analyzing and comparing the similarities and differences between the tea drinking cultures of the two dynasties from a historical perspective. This paper consists of the three main parts (1) an overview of the tea drinking culture of the Joseon period, (2) an overview of the Nguyen dynasty's tea drinking culture, and (3) a comparison of the tea drinking culture through tea products and tea enjoyment space (tea room) of the two dynasties. This study uses the method of synthesizing and analyzing domestic and international scholars' papers, the historical-cultural interdisciplinary research method, and the comparative method to clarify the three above-mentioned issues.

Key words: tea drinking culture, tea room, tea product, Joseon Dynasty (North Korea), Nguyen Dynasty

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Correspondence

Phung Thi Thanh Xuan, University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email:
phungthanhxuan@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 21/3/2023
- Accepted: 15/9/2023
- Published Online: 31/12/2023

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v7i4.867>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Xuan P T T. **The study on tea drinking culture in the Joseon Dynasty of Korea and the Nguyen Dynasty of Vietnam.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2023; 7(4):2161-2172.